TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 14-3-2022
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Ông Huỳnh Việt Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp "Xin ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 132/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Văn N, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị Hồ Thị C, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – chị Hồ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn – anh Bùi Văn N trình bày:*

Do quen biết nên anh và chị C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị C đam mê cờ bạc, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được; vợ chồng bất đồng quan điểm, hay tranh cãi và anh chị

đã chính thức ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Bùi Hoàng T, sinh ngày 20/11/1999 và Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 13/7/2009, hiện đang sống với chị C. Anh yêu cầu được nuôi cháu M, không yêu cầu chị C cấp dưỡng. Riêng cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn – chị Hồ Thị C trình bày:*

Do quen biết nên anh và chị C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài, anh chị không sống ly thân. Nay chị không đồng ý ly hôn do còn thương chồng thương con.

Về con chung: Có hai cháu như anh N trình bày. Trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn thì chị yêu cầu được nuôi cháu M, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh N phải qua bộ 01 công đất cho con trai thì chị mới đồng ý ly hôn.

Về nợ chung: Không có.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 132/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Bùi Văn N. Cho anh Bùi Văn N đươc ly hôn chị Hồ Thị C.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 13/7/2009 cho chị C nuôi. Ghi nhận việc anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 750.000 đồng/tháng. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng cháu Bùi Hoàng T, sinh ngày 20/11/1999 hiện đã trưởng thành và lao động được nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 07/12/2021, bị đơn – chị Hồ Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Bùi Văn N trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xử cho vợ chồng anh ly hôn và giao con chung là cháu Bùi Thị Thảo M cho chị C nuôi dưỡng nhưng chị C không nuôi cháu M. Anh giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Hồ Thị C.

- Chị Hồ Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Bùi Văn N. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì chị C yêu cầu giao con chung là cháu Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 13/7/2009 cho anh N nuôi dưỡng, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì không có khả năng.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị C; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng cho anh N ly hôn với chị C, đồng thời ghi nhận sự thỏa thuận của chị C và anh N tại phiên tòa về việc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Xin ly hôn" là có căn cứ; thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy: Chị Hồ Thị C kháng cáo không đồng ý ly hôn với anh Bùi Văn N với lý do vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì ngoài việc mẹ ruột của chị bị bệnh ung thư, thời gian qua chị phải trực tiếp chăm sóc mẹ tại bệnh viện nên vợ chồng không được ở gần nhau, từ đó anh N có quan hệ với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với chị để chung sống với người phụ nữ đó. Vì vậy, chị yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị. Xét yêu cầu kháng cáo của chị C là không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ:

Tại phiên tòa, anh N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C đam mê cờ bạc và có người đàn ông khác, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc,

anh N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị C không sửa đổi, làm cho mâu thuẫn kéo dài không có khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh N vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với chị C mặc dù đã được Tòa án động viên, hòa giải.

Xét, mâu thuẫn giữa anh N và chị C là có thật và đã trở nên trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Tại phiên tòa, anh chị cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng vợ chồng mạnh ai nấy sống, không nói chuyện, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc mà thường xuyên gây gổ và xúc phạm lẫn nhau. Chị C kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị C về việc không đồng ý ly hôn với anh N, giữ nguyên phần quyết định về hôn nhân của bản án sơ thẩm.

- Về con chung: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 13/7/2009 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Bùi Thị Thảo M, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị C yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chia tài sản và chia số nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vấn đề này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét, sau này nếu có đơn khởi kiện sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị C.

Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 132/2021/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn N. Cho anh Bùi Văn N được ly hôn với chị Hồ Thị C.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Bùi Văn N và chị Hồ Thị C về việc giao con chung tên Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 13/7/2009 cho anh Bùi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Hồ Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Bùi Văn N chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên chưa xem xét.

2/- Về án phí: Anh Bùi Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000568 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; xem như đã nộp xong án phí.

Chị Hồ Thị C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) cho chị Hồ Thị C theo biên lai số 0001015 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy